



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001021418	Nguyễn Hồng	Son	15/11/2004	KD10E	Nam	01		6,0	Son	
2	000002	0810211715	Trần Thị Minh	Ngọc	19/04/2002	KD8H	Nữ	01		5,0	Minh	
3	000003	1201030703	Hồ Vũ Văn	Anh	31/10/2006	QT12A	Nữ	01		3,0	Anh	
4	000004	1201030760	Vũ Thị Kim	Chi	24/08/2006	QT12A	Nữ	01		4,5	Chi	
5	000005	1201030778	Đỗ Huyền	Diệp	09/04/2006	QT12A	Nữ	01		6,0	Diệp	
6	000006	1201030785	Nguyễn Tiến	Đức	18/05/2006	QT12A	Nam	01		6,0	Đức	
7	000007	1201030798	Lê Đan	Dương	13/04/2006	QT12A	Nam	01		--	--	ĐK
8	000008	1201030804	Nguyễn Đoàn Phong	Duy	19/04/2006	QT12A	Nam	01		3,0	Duy	
9	000009	1201030848	Đỗ Ánh	Hồng	22/07/2006	QT12A	Nữ	01		6,0	Hồng	
10	000010	1201030891	Trần Việt	Khoa	25/01/2006	QT12A	Nam	01		7,0	Khoa	
11	000011	1201030908	Đỗ Quang	Linh	12/10/2006	QT12A	Nam	01		6,0	Linh	
12	000012	1201030911	Hoàng Thị Thùy	Linh	12/07/2006	QT12A	Nữ	01		8,0	Linh	
13	000013	1201030933	Phan Thùy	Linh	15/08/2006	QT12A	Nữ	01		5,0	Linh	
14	000014	1201031767	Dương Đức	Long	10/09/2006	QT12A	Nam	01		7,0	Long	
15	000015	1201030954	Thắm Phương	Mai	13/05/2006	QT12A	Nữ	01		5,0	Mai	
16	000016	1201031651	Trần Danh	Minh	08/08/2006	QT12A	Nam	01		7,0	Minh	
17	000017	1201031562	Chu Đỗ Khánh	Ngọc	28/02/2006	QT12A	Nữ	01		7,0	Ngọc	
18	000018	1201031018	Đỗ Thị Mai	Phương	03/01/2006	QT12A	Nữ	01		2,0	Phương	
19	000019	1201031037	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	03/11/2005	QT12A	Nữ	01				HP,ĐK
20	000020	1201031711	Lê Thị	Thảo	12/01/2006	QT12A	Nữ	01		8,0	Thảo	
21	000021	1201031684	Nguyễn Thị	Thúy	25/09/2006	QT12A	Nữ	01		8,0	Thúy	
22	000022	1201031098	Nguyễn Thị Hà	Trang	15/05/2006	QT12A	Nữ	01		4,0	Trang	
23	000023	1201031106	Tạ Nguyễn Quỳnh	Trang	27/11/2006	QT12A	Nữ	01				HP,ĐK
24	000024	1201031110	Hà Tuấn	Triệu	30/11/2006	QT12A	Nam	01		6,0	Triệu	
25	000025	1201031122	Vũ Anh	Tuấn	25/07/2006	QT12A	Nam	01		7,0	Tuấn	
26	000026	1201031130	Bùi Phạm Phương	Uyên	14/05/2006	QT12A	Nữ	01		8,0	Uyên	
27	000027	1201031143	Nguyễn Long	Vũ	12/08/2006	QT12A	Nam	01				ĐK
28	000028	1201031814	Nguyễn Hoài	Anh	11/05/2006	QT12B	Nữ	01		5,0	Anh	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
29	000029	1201030809	Trần Hương	Giang	30/11/2006	QT12B	Nữ	01		4,0	Giang	
30	000030	1201030844	Nguyễn Thị	Hoài	12/07/2006	QT12B	Nữ	01		4,0	Hoài	
31	000031	1201030889	Vũ Quang Nam	Khánh	24/10/2006	QT12B	Nam	01		5,0	Khánh	
32	000032	1201030919	Nguyễn Lê Phương	Linh	17/12/2006	QT12B	Nữ	01		2,0	Linh	
33	000033	1201011310	Nguyễn Thùy	Linh	03/02/2006	TC12A	Nữ	01		3,0	Linh	
34	000034	1201011602	Phạm Phương	Thảo	29/09/2006	TC12A	Nữ	01		6,0	Thảo	
35	000035	1201011420	Nguyễn Thị	Thư	16/06/2006	TC12A	Nữ	01				HP vắng

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi:

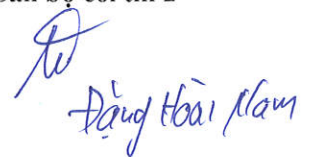
Tổng số biên bản:

Ngày 8 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





Nguyễn Văn Đức



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000043	1201020079	Phạm Hải	Anh	17/11/2006	KD12A	Nữ	02		3,0	Hải	
2	000044	1201021792	Phan Lưu Minh	Ánh	23/05/2004	KD12A	Nữ	02		8,0	Minh	
3	000045	1201021694	Đỗ Xuân	Đức	09/08/2004	KD12A	Nam	02		2,0	Đức	
4	000046	1201020128	Dương Anh	Dũng	05/08/2006	KD12A	Nam	02		5,5	Dũng	
5	000047	1201020154	Vũ Thị Thu	Hà	10/09/2006	KD12A	Nữ	02		6,0	Hà	
6	000048	1201021821	Trần Thị Thu	Hiền	02/10/2006	KD12A	Nữ	02		6,0	Hiền	
7	000049	1201020222	Thân Tuấn	Kiệt	17/08/2006	KD12A	Nam	02		8,0	Kiệt	
8	000050	1201020297	Hoàng Thị Trà	My	22/12/2006	KD12A	Nữ	02		3,0	My	
9	000051	1201020333	Khuong Thị Uyên	Nhi	26/08/2006	KD12A	Nữ	02		6,0	Nhi	
10	000052	1201020410	Nguyễn Anh	Thư	21/12/2006	KD12A	Nữ	02		6,0	Thư	
11	000053	1201021514	Nguyễn Huyền	Trang	23/12/2006	KD12A	Nữ	02		6,0	Trang	
12	000054	1201020461	Nguyễn Đăng	Tuấn	26/09/2006	KD12A	Nam	02		6,0	Tuấn	
13	000055	1201020089	Trần Thị Ngọc	Anh	30/08/2006	KD12B	Nữ	02		6,0	Anh	
14	000056	1201020110	Tăng Yến	Chi	19/10/2006	KD12B	Nữ	02		8,0	Chi	
15	000057	1201021695	Nguyễn Thị Thùy	Dương	08/03/2006	KD12B	Nữ	02		6,0	Dương	
16	000058	1201020232	Nguyễn Thị	Lan	11/10/2006	KD12B	Nữ	02		6,0	Lan	
17	000059	1201020268	Nguyễn Thành	Long	22/04/2006	KD12B	Nam	02			Long	HP,ĐK
18	000060	1201020308	Khuong Thị	Ngân	02/05/2006	KD12B	Nữ	02		6,0	Ngân	
19	000061	1201021655	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	30/11/2005	KD12C	Nữ	02		7,5	Anh	
20	000062	1201020072	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/04/2004	KD12C	Nam	02				HP,ĐK
21	000063	1201020081	Phạm Ngọc	Anh	28/07/2005	KD12C	Nữ	02		7,5	Anh	
22	000064	1201020117	Lê Thị Huyền	Diệu	24/08/2006	KD12C	Nữ	02		8,0	Diệu	
23	000065	1201021807	Ngô Thị	Dung	08/12/2006	KD12C	Nữ	02				HP,ĐK
24	000066	1201020306	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	16/12/2006	KD12C	Nữ	02		6,0	Nga	
25	000067	1201020447	Nguyễn Thùy	Trang	23/04/2006	KD12C	Nữ	02		6,0	Trang	
26	000068	1201030835	Phạm Trần	Hiếu	25/12/2006	QM12A	Nam	02				ĐK
27	000069	1201031798	Phạm Hoàng	Long	24/07/2006	QM12A	Nam	02		3,0	Long	
28	000070	1201030989	Phạm Ngọc	Ngân	24/05/2006	QM12A	Nữ	02		5,5	Ngân	
29	000071	1201031083	Đặng Thị Thanh	Thùy	03/09/2006	QM12A	Nữ	02		7,0	Thùy	
30	000072	1201031137	Nguyễn Văn	Vĩ	12/07/2006	QM12A	Nam	02		5,5	Vĩ	
31	000073	1201031111	Nguyễn Quốc	Triệu	26/09/2006	QT12B	Nam	02		6,0	Triệu	

Tổng số sinh viên dự thi: 27....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản: 0/.....

Ngày 8... tháng 6... năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng Hòa / Nam

Nguyễn Văn Sơn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000074	1101080419	Vũ Tiến	Thành	27/01/2005	TM11A	Nam	01		5,0	Thành	
2	000075	1101080424	Nguyễn Đức	Trung	02/10/2005	TM11A	Nam	01		4,5	Trung	
3	000076	1101020044	Phạm Thanh	Bình	19/01/2005	KD11A	Nam	02		5,0	Bình	
4	000077	1101010478	Nguyễn Thị Mai	Anh	27/12/2005	NH11A	Nữ	02		5,0	Anh	
5	000078	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	Nam	03		4,5	Tâm	HP đã nộp
6	000079	1201020051	Dương Huyền Phương	Anh	30/10/2006	KD12B	Nữ	03		7,0	Anh	
7	000080	1201020095	Hoàng Thị Kim	Ánh	02/09/2006	KD12B	Nữ	03		6,0	Ánh	
8	000081	1201020103	Đoàn Linh	Chi	24/04/2006	KD12B	Nữ	03		6,5	Chi	
9	000082	1201021817	Nguyễn Trung	Đức	01/07/2006	KD12B	Nam	03		3,0	Đức	
10	000083	1201020126	Trần Thị Phương	Dung	14/03/2006	KD12B	Nữ	03		5,5	Dung	
11	000084	1201021800	Nguyễn Đức	Dũng	06/01/2006	KD12B	Nam	03		9,0	Dũng	
12	000085	1201020131	Đỗ Thị Ánh	Dương	19/06/2006	KD12B	Nữ	03		4,0	Dương	
13	000086	1201020142	Lại Hương	Giang	01/01/2006	KD12B	Nữ	03		7,0	Giang	
14	000087	1201020151	Nguyễn Thúy	Hà	10/05/2006	KD12B	Nữ	03		8,0	Hà	
15	000088	1201021811	Phạm Thị Thúy	Hằng	02/07/2006	KD12B	Nữ	03		6,5	Hằng	
16	000089	1201021776	Đỗ Thanh	Hiền	25/10/2004	KD12B	Nữ	03		7,5	Hiền	
17	000090	1201020177	Lê Thị Quỳnh	Hoa	28/09/2006	KD12B	Nữ	03		4,5	Hoa	
18	000091	1201020181	Hoàng Thu	Hoài	04/02/2006	KD12B	Nữ	03		7,5	Hoài	
19	000092	1201021490	Vũ Khánh	Huyền	18/03/2006	KD12B	Nữ	03		2,0	Huyền	
20	000093	1201021492	Đào Thị Khánh	Linh	26/10/2006	KD12B	Nữ	03		5,5	Linh	
21	000094	1201020258	Trần Ngọc	Linh	30/06/2006	KD12B	Nữ	03		7,0	Linh	
22	000095	1201020263	Lê Thanh	Loan	24/10/2006	KD12B	Nữ	03		5,0	Loan	
23	000096	1201020277	Lê Cẩm	Ly	16/01/2006	KD12B	Nữ	03		7,0	Ly	
24	000097	1201020298	Lê Thị Huyền	My	22/07/2006	KD12B	Nữ	03		6,0	My	
25	000098	1201021771	Nguyễn Thị	Nga	20/09/2006	KD12B	Nữ	03		6,5	Nga	
26	000099	1201020312	Nguyễn Thị Kim	Ngân	14/08/2006	KD12B	Nữ	03		6,0	Ngân	
27	000100	1201020325	Vũ Minh	Nguyệt	06/07/2006	KD12B	Nữ	03		6,5	Nguyệt	
28	000101	1201020335	Nguyễn Nguyệt	Nhi	20/10/2006	KD12B	Nữ	03		6,0	Nhi	
29	000102	1201020359	Ngô Thị Minh	Phương	19/02/2006	KD12B	Nữ	03				ĐK

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
30	000103	1201020368	Ngô Ngọc	Quyên	03/03/2006	KD12B	Nữ	03		6,0	✓ Quyên	
31	000104	1201020385	Đỗ Phương	Thảo	19/01/2006	KD12B	Nữ	03		5,0	✓ Thảo	
32	000105	1201021810	Nguyễn Phương	Thảo	01/07/2006	KD12B	Nữ	03		4,0	✓ Thảo	
33	000106	1101021347	Phạm Bảo	Trân	19/01/2005	KD12B	Nữ	03		6,5	✓ Bảo	
34	000107	1201021777	Trần Đình	Trung	03/04/2006	KD12C	Nam	03		3,5	✓ Trung	
35	000108	1201020473	Nguyễn Khánh	Vi	23/04/2006	KD12C	Nữ	03		6,0	✓ Vi	
36	000109	1201070638	Nguyễn Thu	Hiền	21/05/2006	KL12A	Nữ	03				Vắng

Tổng số sinh viên dự thi: 34
 Tổng số tờ giấy thi:
 Tổng số biên bản:

Ngày 08. tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


 Vũ Văn Dũng


 Nguyễn Văn Giàu



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000110	1201020487	Dur Hải	Yến	11/08/2006	KD12A	Nữ	03				ĐK
2	000111	1201020482	Đinh Kiều	Xuân	06/05/2006	KD12C	Nữ	03		5,0	Xuân	
3	000112	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	Nữ	04		6,0	Linh	
4	000113	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	KD11A	Nữ	04		6,0	Loan	
5	000114	1101021006	Phạm Thị	Ngân	15/08/2003	KD11A	Nữ	04		5,0	Ngân	
6	000115	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	Nữ	04		7,0	Ngọc	
7	000116	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	Nữ	04		7,0	Thúy	
8	000117	1101020303	Nguyễn Thị Hà	Trang	28/10/2005	KD11A	Nữ	04				ĐK
9	000118	1201020264	Lê Thị Kiều	Loan	03/04/2006	KD12B	Nữ	04		7,0	Loan	
10	000119	1201031061	Nguyễn Phương	Thảo	25/02/2006	KD12B	Nữ	04		4,0	Thảo	
11	000120	1201020393	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/08/2006	KD12B	Nữ	04		4,0	Thảo	
12	000121	1201020400	Lê Hoàng Minh	Thu	02/08/2006	KD12B	Nữ	04		8,0	Thu	
13	000122	1201020413	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	12/05/2003	KD12B	Nữ	04				ĐK
14	000123	1201020422	Hoàng Kim	Tiếp	25/10/2006	KD12B	Nam	04				HP
15	000124	1201020423	Trần Thị	Toán	28/03/2000	KD12B	Nữ	04		8,0	Toán	
16	000125	1201021644	Đinh Thị Quỳnh	Trang	25/04/2006	KD12B	Nữ	04		3,0	Trang	
17	000126	1201020439	Nguyễn Quỳnh	Trang	30/06/2006	KD12B	Nữ	04		4,0	Trang	
18	000127	1201020449	Phạm Thị Huyền	Trang	03/01/2006	KD12B	Nữ	04		5,0	Trang	
19	000128	1201020462	Nguyễn Thị	Tươi	05/01/2006	KD12B	Nữ	04		6,0	Tươi	
20	000129	1201020471	Đỗ Thị Cẩm	Vi	16/10/2005	KD12B	Nữ	04		7,0	Vi	
21	000130	1201021144	Hoàng Lan	Vy	22/08/2006	KD12B	Nữ	04		7,0	Vy	
22	000131	1201020489	Lưu Thị Hải	Yến	26/10/2006	KD12B	Nữ	04		5,0	Yến	
23	000132	1201020074	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/06/2006	KD12C	Nữ	04		7,0	Anh	
24	000133	1201020111	Đỗ Thị	Cúc	03/01/2006	KD12C	Nữ	04		6,0	Cúc	
25	000134	1201020494	Trịnh Tuấn	Đạt	28/06/2006	KD12C	Nam	04		8,0	Đạt	
26	000135	1201021603	Bùi Quỳnh	Diễm	25/02/2006	KD12C	Nữ	04		8,0	Diễm	
27	000136	1201020136	Nguyễn Thùy	Dương	28/06/2006	KD12C	Nữ	04		6,0	Dương	
28	000137	1201021671	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/05/2006	KD12C	Nữ	04		5,0	Giang	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
29	000138	1201021486	Trần Thị	Thúy Hà	15/02/2006	KD12C	Nữ	04		6,0	Hà	
30	000139	1201020165	Phạm Việt	Hằng	07/11/2006	KD12C	Nữ	04		7,0	Hằng	
31	000140	1201020168	Đỗ Thị Thu	Hiền	14/07/2006	KD12C	Nữ	04		5,0	Hiền	
32	000141	1201021770	Nguyễn Văn	Hiếu	19/11/2006	KD12C	Nam	04		8,0	Hiếu	
33	000142	1201020191	Lò Thị	Hương	08/11/2005	KD12C	Nữ	04		8,0	Hương	
34	000143	1201020202	Dương Khánh	Huyền	08/06/2006	KD12C	Nữ	04		6,0	Huyền	
35	000144	1201020220	Phùng Hữu	Khánh	03/09/2006	KD12C	Nam	04				HP,ĐK
36	000145	1201020224	Nguyễn Thị Thanh	Lam	18/08/2006	KD12C	Nữ	04		5,0	Lam	
37	000146	1201020233	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	01/09/2005	KD12C	Nữ	04		7,0	Lan	
38	000147	1201021783	Đỗ Thị Khánh	Linh	13/03/2006	KD12C	Nữ	04		5,0	Linh	
39	000148	1201021704	Nguyễn Thị Hoài	Linh	15/12/2005	KD12C	Nữ	04				HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: **34**
 Tổng số tờ giấy thi:
 Tổng số biên bản:

Ngày **8** tháng **6** năm **2026**

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Văn Sĩ

Nguyễn Thị Ngọc



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000149	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	Nữ	05				ĐK
2	000150	1001020956	Nguyễn Thị Ngọc	Dương	25/10/2004	KD12C	Nữ	05				ĐK
3	000151	1201020269	Lê Văn	Luân	21/08/2004	KD12C	Nam	05		7,0	Luân	
4	000152	1201021601	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/10/2006	KD12C	Nữ	05		6,0	Ngân	
5	000153	1201020318	Nguyễn Minh	Ngọc	24/11/2006	KD12C	Nữ	05		6,0	Ngọc	
6	000154	1201020319	Phạm Bích	Ngọc	20/08/2006	KD12C	Nữ	05		5,0	Ngọc	
7	000155	1201020327	Nguyễn Thị	Nhài	08/12/2005	KD12C	Nữ	05		5,0	Nhài	
8	000156	1201021501	Phạm Hoàng Bảo	Nhi	20/08/2006	KD12C	Nữ	05		6,0	Nhi	
9	000157	1201021819	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/01/2006	KD12C	Nữ	05		6,0	Nhung	
10	000158	1201020352	Bùi Thu	Phương	08/09/2006	KD12C	Nữ	05		4,0	Phương	HP +H
11	000159	1201020362	Phùng Minh	Phương	21/01/2006	KD12C	Nữ	05		6,0	Phùng	
12	000160	1201021805	Ngô Thị Thuý	Quỳnh	04/08/2006	KD12C	Nữ	05		6,0	Quỳnh	
13	000161	1201020377	Trần Thị Minh	Tâm	24/03/2006	KD12C	Nữ	05		5,0	Tâm	
14	000162	1201020388	Lê Thị	Thảo	05/11/2006	KD12C	Nữ	05		6,0	Thảo	
15	000163	1201020402	Bùi Anh	Thư	24/07/2005	KD12C	Nữ	05		8,0	Thư	
16	000164	1201020415	Đào Thị Thanh	Thùy	30/04/2006	KD12C	Nữ	05		6,0	Thùy	
17	000165	1201021820	Nguyễn Mai	Trang	06/06/2006	KD12C	Nữ	05		5,0	Trang	
18	000166	1201021751	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/02/2006	KD12C	Nữ	05		6,0	Trang	
19	000167	1201020450	Phạm Thị Ngọc	Trang	06/07/2006	KD12C	Nữ	05		5,0	Trang	
20	000168	1201020465	Nguyễn Tú	Uyên	26/04/2006	KD12C	Nữ	05		4,0	Uyên	
21	000169	1201021606	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/07/2006	KD12C	Nữ	05		5,0	Yến	
22	000170	1201070623	Đặng Thái	Anh	12/09/2006	KL12A	Nam	05		6,0	Anh	
23	000171	1201070625	Lưu Quỳnh	Anh	05/06/2006	KL12A	Nữ	05		6,0	Anh	
24	000172	1201070637	Hoàng Thị Thu	Hiền	21/01/2006	KL12A	Nữ	05		6,0	Hiền	
25	000173	1201070639	Lê Trung	Hiếu	01/06/2006	KL12A	Nam	05		7,0	Hiếu	
26	000174	1201070641	Nguyễn Thị	Huế	27/07/2006	KL12A	Nữ	05		6,0	Huế	
27	000175	1201070656	Hoàng Khánh	Ngọc	27/08/2006	KL12A	Nữ	05		6,0	Ngọc	
28	000176	1201070681	Trần Thị Quỳnh	Trang	11/11/2006	KL12A	Nữ	05		6,0	Trang	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
29	000177	1201070690	Đào Hải	Yến	24/09/2006	KL12A	Nữ	05		5,0	Yến	
30	000178	1201070628	Vũ Tú	Anh	04/01/2006	QL12A	Nữ	05		6,0	Su	
31	000179	1201070631	Hoàng Thị Linh	Chiên	06/03/2006	QL12A	Nữ	05		6,0	Chiên	
32	000180	1201070632	Nguyễn Quốc	Cường	05/05/2006	QL12A	Nam	05		6,0	Cu	
33	000181	1201070636	Phạm Thu	Hà	13/06/2006	QL12A	Nữ	05		5,0	Hà	
34	000182	1201070644	Trần Thị Phương	Lan	19/02/2006	QL12A	Nữ	05		8,0	lan	
35	000183	1201070647	Lê Thị Mỹ	Linh	10/10/2006	QL12A	Nữ	05		7,0	Linh	
36	000184	1201070668	Tạ Khắc	Son	05/12/2006	QL12A	Nam	05		6,0	Son	

Tổng số sinh viên dự thi:....³⁴...

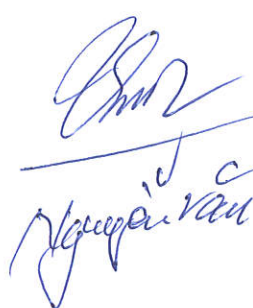
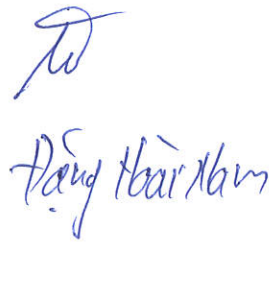
Tổng số tờ giấy thi:.....³⁴

Tổng số biên bản:.....⁰

Ngày ..⁸ tháng ..⁶ năm ..²⁰²⁶

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000185	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	Nữ	06		3,0	Anh	
2	000186	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	Nữ	06		6,0	Diễm	HP ĐN
3	000187	1201070649	Phạm Công	Linh	17/10/2006	QL12A	Nam	06		5,0	Linh	
4	000188	1201070658	Nguyễn Hồng	Nhung	09/07/2006	QL12A	Nữ	06		5,5	Nhung	
5	000189	1201070663	Nguyễn Thị	Phương	31/05/2006	QL12A	Nữ	06		4,0	Phương	
6	000190	1201070671	Hà Phương	Thanh	13/07/2006	QL12A	Nữ	06		6,0	Thanh	
7	000191	1201070672	Nguyễn Thu	Thảo	11/10/2006	QL12A	Nữ	06		2,5	Thảo	
8	000192	1201070677	Ngô Thị Hương	Trà	28/12/2006	QL12A	Nữ	06		4,5	Trà	
9	000193	1201070682	Đinh Vũ Việt	Trình	01/10/2006	QL12A	Nữ	06		4,0	Trình	
10	000194	1201070687	Hoàng Quốc	Việt	03/02/2005	QL12A	Nam	06		6,0	Việt	
11	000195	1201070688	Nguyễn Thành	Vinh	02/02/2006	QL12A	Nam	06		6,0	Vinh	
12	000196	1201070689	Hồ Thảo	Vy	28/10/2006	QL12A	Nữ	06		4,0	Vy	
13	000197	1201081639	Nguyễn Thu	An	07/03/2006	TM12A	Nữ	06		5,5	An	
14	000198	1201080541	Lê Tuấn	Anh	09/04/2006	TM12A	Nam	06				HP,ĐK
15	000199	1201080545	Trần Thị Vân	Anh	23/07/2006	TM12A	Nữ	06		6,0	Anh	
16	000200	1201080546	Trương Hà	Anh	28/12/2006	TM12A	Nữ	06		7,0	Hà	
17	000201	1201081526	Vũ Quỳnh	Anh	08/09/2006	TM12A	Nữ	06		2,0	Quỳnh	
18	000202	1201081793	Nguyễn Công	Bách	11/09/2006	TM12A	Nam	06		4,0	Bách	HP ĐN
19	000203	1201080550	Nguyễn Bá	Đức	10/09/2006	TM12A	Nam	06		6,5	Đức	
20	000204	1201080551	Nguyễn Minh	Đức	07/10/2006	TM12A	Nam	06		5,0	Đức	
21	000205	1201080552	Phạm Hoàng	Đức	02/02/2006	TM12A	Nam	06				ĐK
22	000206	1201081718	Trương Thanh	Đức	08/03/2006	TM12A	Nam	06		5,5	Đức	
23	000207	1201080554	Ngô Hoàng Ánh	Dương	07/01/2006	TM12A	Nữ	06		4,5	Dương	
24	000208	1201080557	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	22/10/2006	TM12A	Nữ	06				ĐK
25	000209	1201080558	Phạm Mỹ	Duyên	07/12/2006	TM12A	Nữ	06		3,5	Duyên	
26	000210	1201080560	Nguyễn Thị Ngân	Giang	08/07/2006	TM12A	Nữ	06				HP,ĐK
27	000211	1201081788	Đỗ Thị Thu	Huệ	04/04/2006	TM12A	Nữ	06		5,0	Huệ	
28	000212	1201080565	Lê Thế	Hưng	21/08/2006	TM12A	Nam	06		5,0	Hưng	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
29	000213	1201080567	Lê Thị Mỹ	Linh	24/08/2006	TM12A	Nữ	06		7,0	Linh	
30	000214	1201080568	Lương Thùy	Linh	26/10/2006	TM12A	Nữ	06		6,5	Thùy	
31	000215	1201081720	Ngô Mai	Linh	21/12/2006	TM12A	Nữ	06				ĐK
32	000216	1201080569	Ngô Thị Phương	Linh	26/03/2006	TM12A	Nữ	06		5,0	Phương	
33	000217	1201080573	Nguyễn Tuấn	Long	04/03/2006	TM12A	Nam	06		3,0	Tuấn	
34	000218	1201081765	Đỗ Thị Thanh	Mai	18/04/2006	TM12A	Nữ	06		6,0	Mai	
35	000219	1201070680	Lê Huyền	Trang	02/02/2006	TM12A	Nữ	06		5,0	Trang	

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản:

Cán bộ coi thi 1

Ngày 08 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 2


 Đặng Hải Nam


 Nguyễn Văn Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000220	1001020070	Nguyễn Như	Bình	10/11/2004	KD10G	Nữ	07	..	7,0	Bình	
2	000221	1201030817	Phạm Nguyễn Tuấn	Hải	11/01/2003	QT12A	Nam	07		7,0	Hải	
3	000222	1201030822	Vũ Hồng	Hạnh	20/02/2006	QT12A	Nữ	07		5,0	Hạnh	
4	000223	1201030840	Lê Thanh	Hoa	19/06/2006	QT12A	Nữ	07		5,5	Hoa	
5	000224	1201030843	Hà Thu	Hoài	27/09/2006	QT12A	Nữ	07		1,0	Hoài	
6	000225	1201030855	Đồng Mạnh	Hùng	12/09/2006	QT12A	Nam	07		5,0	Hùng	
7	000226	1201080597	Võ Hồng	Phúc	24/09/2006	QT12A	Nữ	07		1,0	Phúc	
8	000227	0901030151	Phạm Hoàng	Lan	19/05/2003	QT9B	Nữ	07		6,5	Lan	HP
9	000228	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	Nam	07		6,0	Quý	HP
10	000229	1201011255	Lê Thị	Hiếu	21/07/2006	TC12A	Nữ	07				ĐK
11	000230	1001080396	Phan Anh	Kiệt	30/01/2004	TM10A	Nam	07				ĐK
12	000231	1201080579	Trần Thanh	Mai	09/10/2006	TM12A	Nữ	07		7,0	Mai	
13	000232	1201080580	Nguyễn Đức	Mạnh	12/12/2006	TM12A	Nam	07		1,0	Mạnh	
14	000233	1201080581	Vũ Duy	Mạnh	07/12/2005	TM12A	Nam	07		5,0	Mạnh	
15	000234	1201080582	Đỗ Thị Ngọc	Minh	16/05/2004	TM12A	Nữ	07		2,0	Minh	
16	000235	1201080583	Nguyễn Trà	My	06/11/2006	TM12A	Nữ	07		6,5	My	
17	000236	1201080585	Nguyễn Thu	Ngân	06/09/2006	TM12A	Nữ	07		6,0	Ngân	
18	000237	1201080586	Lê Hồng	Ngọc	19/12/2006	TM12A	Nữ	07		7,5	Ngọc	
19	000238	1201081664	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	03/02/2006	TM12A	Nữ	07		6,5	Như	
20	000239	1201080594	Vũ Trang	Nhung	24/09/2006	TM12A	Nữ	07		4,0	Nhung	
21	000240	1201080595	Bùi Thị Kim	Oanh	02/09/2006	TM12A	Nữ	07		6,5	Oanh	
22	000241	1201081812	Mai Thiên	Tài	04/08/2006	TM12A	Nam	07		5,0	Tài	
23	000242	1201080602	Lê Phương	Thảo	25/09/2006	TM12A	Nữ	07		5,0	Thảo	
24	000243	1201081604	Ngô Thanh	Thảo	22/09/2006	TM12A	Nữ	07		4,0	Thảo	
25	000244	1201080603	Nguyễn Thu	Thảo	24/11/2006	TM12A	Nữ	07		6,0	Thảo	
26	000245	1201080604	Hoàng Thị Mến	Thương	20/07/2006	TM12A	Nữ	07		6,5	Thương	
27	000246	1201080608	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	31/05/2006	TM12A	Nữ	07		5,0	Thúy	
28	000247	1201081534	Lê Ánh	Thùy	27/02/2006	TM12A	Nữ	07		7,0	Thùy	
29	000248	1201080609	Nguyễn Bích	Thùy	04/04/2005	TM12A	Nữ	07		6,0	Thùy	
30	000249	1201080612	Lê Thị Thu	Trang	23/02/2006	TM12A	Nữ	07		2,0	Trang	
31	000250	1201080615	Nguyễn Thị Phương	Uyên	15/12/2006	TM12A	Nữ	07				ĐK
32	000251	1201080620	Đào Thị	Yến	18/04/2006	TM12A	Nữ	07		4,0	Yến	
33	000252	1201080621	Doãn Hải	Yến	11/07/2006	TM12A	Nữ	07		5,0	Yến	

Tổng số sinh viên dự thi: 30...

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản:

Ngày 8... tháng 6... năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Hàng Hoàng Nam

Nguyễn Văn Quý



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000253	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	Nữ	08		5,5	Ngọc	
2	000254	1101030466	Bùi Thị Ngọc	Anh	30/11/2005	QT11B	Nữ	08		6,0	Nhà	
3	000255	1101030558	Phạm Minh	Huệ	10/04/2005	QT11B	Nữ	08		5,0	Phạm	
4	000256	1101030701	Ngô Thanh	Thảo	07/12/2005	QT11B	Nữ	08		6,0	Thảo	
5	000257	1201011160	Lê Mai	Anh	24/10/2006	TC12B	Nữ	08		7,0	Lê Mai	
6	000258	1201011171	Nguyễn Phương	Anh	15/09/2006	TC12B	Nữ	08		6,0	PNh	
7	000259	1201011581	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/07/2006	TC12B	Nữ	08		8,0	Anh	
8	000260	1201011179	Phạm Thị Vân	Anh	09/03/2006	TC12B	Nữ	08		5,0	Anh	
9	000261	1201011183	Trần Phương	Anh	06/07/2006	TC12B	Nữ	08		5,0	Anh	
10	000262	1201011187	Vũ Lan	Anh	26/03/2005	TC12B	Nữ	08		5,0	Anh	
11	000263	1201011192	Phí Thái	Bảo	14/03/2006	TC12B	Nữ	08		5,0	Bảo	
12	000264	1201011584	Trần Tuấn	Đạt	30/09/2006	TC12B	Nam	08		8,0	Đạt	
13	000265	1201011220	Vũ Thành	Duy	01/07/2006	TC12B	Nam	08		6,0	Duy	
14	000266	1201011229	Nguyễn Vũ Hải	Hà	23/06/2006	TC12B	Nam	08				HP,ĐK
15	000267	1201011242	Ngô Thị Thu	Hạnh	14/10/2006	TC12B	Nữ	08		8,0	Hạnh	
16	000268	1201011245	Nguyễn Thu	Hiền	24/07/2006	TC12B	Nữ	08		6,0	Hiền	
17	000269	1201011256	Nguyễn Đình	Hiếu	29/08/2006	TC12B	Nam	08		6,0	Hiếu	
18	000270	1201011259	Nguyễn Phương	Hoa	04/08/2006	TC12B	Nữ	08		5,0	Hoa	
19	000271	1201011757	Nguyễn Xuân	Hoàng	03/10/2000	TC12B	Nam	08		7,0	Hoàng	
20	000272	1201011275	Phạm Phan Diệu	Hương	14/02/2006	TC12B	Nữ	08		7,0	Hương	
21	000273	1201011282	Hoàng Thanh	Huyền	23/07/2006	TC12B	Nữ	08		6,0	Huyền	
22	000274	1201011301	Mai Thùy	Linh	21/11/2006	TC12B	Nữ	08		8,0	Linh	
23	000275	1201011302	Nguyễn Diệu	Linh	04/03/2006	TC12B	Nữ	08		8,0	Linh	
24	000276	1201011304	Nguyễn Khánh	Linh	18/07/2006	TC12B	Nữ	08		7,0	Linh	
25	000277	1201011306	Nguyễn Khánh	Linh	27/05/2006	TC12B	Nữ	08		6,0	Khánh	
26	000278	1201011311	Nguyễn Thùy	Linh	15/03/2006	TC12B	Nữ	08				HP
27	000279	1201011782	Trần Khánh	Linh	14/02/2006	TC12B	Nữ	08		7,0	Linh	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
28	000280	1201011321	Dương Hoàng	Long	14/09/2006	TC12B	Nam	08		6,0	Long	
29	000281	1201011786	Nguyễn Thị Xuân	Mai	27/04/2006	TC12B	Nữ	08		6,0	Mai	
30	000282	1201011333	Chu Quang	Minh	02/02/2006	TC12B	Nam	08		6,0	Minh	
31	000283	1201011335	Lưu Quang	Minh	08/08/2006	TC12B	Nam	08		6,0	Minh	
32	000284	1201011352	Bùi Minh	Ngọc	03/08/2006	TC12B	Nữ	08		8,0	Ngọc	
33	000285	1201011356	Trần Hồng	Ngọc	01/12/2006	TC12B	Nữ	08		8,0	Hồng	
34	000286	1201011360	Nguyễn Thảo	Nguyễn	30/01/2006	TC12B	Nữ	08		5,0	Nguyễn	
35	000287	1201011363	Đoàn Yến	Nhi	10/12/2006	TC12B	Nữ	08				HP,ĐK
36	000288	1201011366	Phạm Lan	Nhi	13/09/2006	TC12B	Nữ	08		6,0	Nhi	

Tổng số sinh viên dự thi: 33

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản:

Ngày ... 8 ... tháng ... 6 ... năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2





Nguyễn Văn Đức

Đặng Hoài Nam



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000289	1201020144	Trần Hương	Giang	22/11/2006	KD12D	Nữ	09		4,0	Giang	
2	000290	1201011223	Nguyễn Trường	Giang	25/09/2006	NH12B	Nam	09				HP,ĐK
3	000291	1201011258	Nông Trung	Hiếu	26/07/2006	NH12B	Nam	09		3,0	Hiếu	
4	000292	1201011265	Lê Huy	Hoàng	06/01/2006	NH12B	Nam	09		5,0	Huy	
5	000293	1201011593	Hồ Thị Diệu	Linh	04/01/2006	NH12B	Nữ	09		4,5	Linh	
6	000294	1201011374	Đặng Thanh	Phúc	06/01/2006	NH12B	Nam	09		7,0	Phúc	
7	000295	1201011386	Nguyễn Đức	Quân	12/06/2006	NH12B	Nam	09				HP,ĐK
8	000296	1201030702	Dương Thị Quỳnh	Anh	14/09/2006	QT12C	Nữ	09				HP,ĐK
9	000297	1201030734	Quản Văn	Anh	10/07/2006	QT12C	Nữ	09		3,0	Anh	
10	000298	1201030746	Vũ Ngọc	Ánh	29/01/2006	QT12C	Nữ	09		3,5	Ánh	
11	000299	1201030771	Bùi Hồng	Đặng	17/10/2006	QT12C	Nam	09		6,0	Đặng	
12	000300	1201030783	Nguyễn Hữu Phú	Đức	13/07/2006	QT12C	Nam	09		5,5	Phú	
13	000301	1201030792	Phạm Thị Thùy	Dung	30/10/2006	QT12C	Nữ	09		4,5	Dung	
14	000302	1201030797	Đinh Thùy	Dương	22/03/2006	QT12C	Nữ	09		1,0	Dương	
15	000303	1201030803	Phạm Văn Hoàng	Dương	14/02/2006	QT12C	Nam	09		4,0	Dương	
16	000304	1201030816	Phạm Nam	Hải	18/09/2006	QT12C	Nam	09				HP,ĐK
17	000305	1201030819	Mai Thị	Hằng	05/11/2005	QT12C	Nữ	09		1,5	Hằng	
18	000306	1201011370	Vũ Thị	Nhung	15/06/2006	TC12B	Nữ	09		3,0	Nhung	
19	000307	1201010660	Nguyễn Nam	Phong	02/06/2002	TC12B	Nam	09		6,0	Phong	
20	000308	1201011373	Trần Quang	Phú	02/01/2006	TC12B	Nam	09		5,0	Phú	
21	000309	1201011381	Nguyễn Linh	Phương	18/04/2006	TC12B	Nữ	09		1,5	Phương	
22	000310	1201011385	Trần Mai Thu	Phương	21/12/2006	TC12B	Nữ	09		3,5	Phương	
23	000311	1201011387	Lê Đức	Quang	12/02/2006	TC12B	Nam	09		4,5	Quang	HP,ĐK
24	000312	1201011531	Hoàng Cao	Quyết	19/04/2005	TC12B	Nam	09		8,0	Quyết	
25	000313	1201011398	Đỗ Ngọc Minh	Tâm	01/11/2006	TC12B	Nữ	09		4,0	Tâm	
26	000314	1201011400	Nguyễn Đức	Tâm	27/04/2006	TC12B	Nam	09		2,0	Tâm	
27	000315	1201011404	Lê Thị	Thanh	08/07/2006	TC12B	Nữ	09		3,5	Thanh	
28	000316	1201011060	Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2006	TC12B	Nữ	09		5,0	Thảo	
29	000317	1201011411	Trương Thị Thanh	Thảo	31/03/2005	TC12B	Nữ	09		4,5	Thảo	
30	000318	1201011421	Hà Bách	Thuận	25/12/2006	TC12B	Nam	09		6,0	Thuận	
31	000319	1201011428	Phùng Hương	Trà	27/07/2006	TC12B	Nữ	09		3,0	Trà	
32	000320	1201011439	Bùi Duy	Trường	19/01/2006	TC12B	Nam	09		2,0	Trường	
33	000321	1201011442	Nguyễn Anh	Tú	23/09/2006	TC12B	Nam	09		5,0	Tú	
34	000322	1201011658	Lê Ngọc Thảo	Vy	24/07/2006	TC12B	Nữ	09		6,0	Vy	

Tổng số sinh viên dự thi: 30....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

(Chữ ký)
Đặng Hoài Nam



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000323	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	Nữ	10		5,0	Ab	
2	000324	1101020008	Đỗ Thị Mai	Anh	08/10/2005	KD11E	Nữ	10		3,5	Anh	
3	000325	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	Nữ	10		3,5	Anh	
4	000326	1101020218	Nguyễn Thị Yến	Nhi	26/10/2005	KD11E	Nữ	10		5,0	Yến	
5	000327	1101020036	Lê Thị Ngọc	Ánh	25/06/2005	KD12D	Nữ	10		6,0	Anh	
6	000328	1201020157	Đặng Thị	Hân	08/04/2006	KD12D	Nữ	10		5,5	Hân	
7	000329	1201020166	Lê Mỹ	Hạnh	13/11/2006	KD12D	Nữ	10		4,0	Hạnh	
8	000330	1201020174	Dương Xuân	Hình	11/01/2006	KD12D	Nam	10		4,0	Hình	
9	000331	1201021488	Ngô Thị Thu	Hương	09/10/2006	KD12D	Nữ	10		4,0	Hương	
10	000332	1201020209	Nguyễn Thị	Huyền	27/10/2006	KD12D	Nữ	10		6,0	Huyền	
11	000333	1201021656	Nguyễn Lê	Khanh	07/04/2006	KD12D	Nữ	10		8,5	Khanh	
12	000334	1201021815	Nguyễn Đăng	Khôi	09/12/2006	KD12D	Nam	10		6,5	Khôi	
13	000335	1201020225	Lê Thanh	Lâm	30/09/2006	KD12D	Nam	10		5,5	Lâm	
14	000336	1201020234	Trần Thị Ngọc	Lan	02/03/2006	KD12D	Nữ	10		6,5	Lan	
15	000337	1201020241	Dư Thị Thùy	Linh	08/03/2006	KD12D	Nữ	10		5,0	Linh	
16	000338	1201020254	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/04/2006	KD12D	Nữ	10		4,0	Linh	
17	000339	1201020280	Phạm Quỳnh	Ly	29/08/2006	KD12D	Nữ	10		5,0	Ly	
18	000340	1201020291	Vũ Thị Huệ	Mẫn	15/11/2006	KD12D	Nữ	10		5,0	Mẫn	
19	000341	1201020292	Bùi Thị Ngọc	Minh	01/09/2006	KD12D	Nữ	10		2,5	Minh	
20	000342	1201020300	Nguyễn Thị Trà	My	14/03/2006	KD12D	Nữ	10		6,5	My	
21	000343	1201020307	Chu Thị Phương	Ngân	03/06/2004	KD12D	Nữ	10		6,0	Ngân	
22	000344	1201021708	Quách Thanh	Ngọc	14/08/2006	KD12D	Nữ	10		8,5	Ngọc	
23	000345	1201020322	Đoàn Nhật	Nguyên	19/08/2006	KD12D	Nữ	10		6,0	Nguyên	
24	000346	1201020330	Đặng Thị Yến	Nhi	21/09/2006	KD12D	Nữ	10		7,5	Nhi	
25	000347	1201020339	Trần Ánh	Nhi	13/06/2006	KD12D	Nữ	10		6,0	Nhi	
26	000348	1201020347	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	03/10/2006	KD12D	Nữ	10		6,5	Ninh	
27	000349	1201020363	Trần Phan Thanh	Phương	06/12/2006	KD12D	Nữ	10		6,0	Ph	
28	000350	1201020378	Lê Hoàng	Tân	04/12/2006	KD12D	Nam	10		4,5	Tân	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
29	000351	1201020389	Lê Thị Huyền	Thảo	27/10/2006	KD12D	Nữ	10		5,5	Thảo	
30	000352	1201020394	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/06/2006	KD12D	Nữ	10		6,0	Thảo	
31	000353	1201020416	Đào Thanh	Thủy	19/09/2006	KD12D	Nữ	10		6,0	Thủy	
32	000354	1201020424	Đoàn Thị Thu	Trà	07/03/2006	KD12D	Nữ	10		6,5	Trà	
33	000355	1201020431	Hoàng Thị Thu	Trang	19/01/2006	KD12D	Nữ	10		2,0	Trang	
34	000356	1201020435	Nguyễn Ngọc	Trang	09/11/2006	KD12D	Nữ	10		6,5	Trang	
35	000357	1201020443	Nguyễn Thị Thu	Trang	23/03/2006	KD12D	Nữ	10		6,0	Trang	
36	000358	1201020451	Phạm Thu	Trang	29/06/2005	KD12D	Nữ	10		6,0	Trang	
37	000359	1201020453	Trần Huyền	Trang	29/07/2006	KD12D	Nữ	10		6,0	Trang	

Tổng số sinh viên dự thi: 37

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản:

Ngày 09 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng Hoài Nam

Nguyễn Thị Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000360	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	Nữ	11				ĐK
2	000361	1201020475	Đinh Văn	Vĩ	10/02/2006	KD12D	Nam	11		6,0	Vĩ	
3	000362	1201020483	Đào Nguyễn Như	Ý	25/02/2006	KD12D	Nữ	11		4,5	Đào	
4	000363	1201020491	Vũ Hải	Yến	07/12/2006	KD12D	Nữ	11		2,0	Yến	
5	000364	1201020056	Lê Ngọc	Anh	13/07/2006	KD12E	Nữ	11		6,0	Anh	
6	000365	1201020068	Nguyễn Phương	Anh	10/12/2006	KD12E	Nữ	11		3,0	Anh	
7	000366	1201020076	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/10/2006	KD12E	Nữ	11		7,0	Anh	
8	000367	1201020096	Nguyễn Ngọc	Ánh	08/04/2006	KD12E	Nữ	11		7,0	Ánh	
9	000368	1201020107	Nguyễn Linh	Chi	04/09/2006	KD12E	Nữ	11		7,0	Chi	
10	000369	1201020112	Phùng Mạnh	Cường	06/01/2006	KD12E	Nam	11		6,5	Cường	
11	000370	1201020113	Trịnh Thị	Diễm	12/05/2006	KD12E	Nữ	11		6,0	Diễm	
12	000371	1201020116	Phạm Lê Ngọc	Diệp	25/12/2006	KD12E	Nữ	11		3,5	Diệp	
13	000372	1201021693	Hà Thị	Địu	05/12/2006	KD12E	Nữ	11		6,0	Địu	
14	000373	1201020133	Lê Thùy	Dương	24/04/2005	KD12E	Nữ	11		4,0	Lê	
15	000374	1201021665	Vũ Thùy	Dương	22/02/2006	KD12E	Nữ	11		6,0	Vũ	
16	000375	1201020146	Đào Thu	Hà	04/05/2006	KD12E	Nữ	11		6,5	Đào	
17	000376	1201020158	Nguyễn Ngọc	Hân	06/11/2006	KD12E	Nữ	11		6,0	Hân	
18	000377	1201021487	Lục Thúy	Hạnh	24/11/2006	KD12E	Nữ	11		4,0	Lục	
19	000378	1201020169	Đỗ Thu	Hiền	29/03/2006	KD12E	Nữ	11		1,0	Đỗ	
20	000379	1201020175	Đỗ Quỳnh	Hoa	05/07/2006	KD12E	Nữ	11		2,0	Đỗ	
21	000380	1201020184	Nguyễn Thị	Hồng	06/02/2006	KD12E	Nữ	11		6,0	Hồng	
22	000381	1201020192	Ngô Thu	Hương	04/06/2006	KD12E	Nữ	11				HP, ĐK
23	000382	1201020200	Nguyễn Khánh	Hương	28/12/2006	KD12E	Nữ	11		6,0	Khánh	
24	000383	1201020210	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23/12/2006	KD12E	Nữ	11		6,0	Thị	
25	000384	1201020216	Ngô Ngọc	Khánh	04/10/2006	KD12E	Nữ	11		6,0	Ngô	
26	000385	1201020221	Hoàng Thị	Khuê	13/01/2005	KD12E	Nữ	11		6,0	Hoàng	
27	000386	1201020226	Nguyễn Bảo	Lâm	14/10/2006	KD12E	Nam	11		6,0	Nguyễn	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
28	000387	1201020245	Lã Thị Phương	Linh	06/11/2006	KD12E	Nữ	11		6,0	Linh	
29	000388	1201020272	Đào Thị Thanh	Luyến	30/06/2006	KD12E	Nữ	11		8,5	Luyến	
30	000389	1201020285	Đỗ Ngọc	Mai	02/11/2006	KD12E	Nữ	11		5,0	Mai	
31	000390	1201021654	Trương Thị Ngọc	Mai	04/10/2006	KD12E	Nữ	11		6,0	Mai	
32	000391	1201021600	Nguyễn Thảo	Nguyên	16/09/2006	KD12E	Nữ	11		2,5	Nguyễn	
33	000392	1201021813	Đỗ Trần Yến	Nhi	07/06/2006	KD12E	Nữ	11		3,0	Nhi	
34	000393	1201020341	Trương Thị Yến	Nhi	04/10/2006	KD12E	Nữ	11		6,0	Nhi	
35	000394	1201020348	Trần Thị Ánh	Ninh	23/08/2006	KD12E	Nữ	11		6,0	Ninh	
36	000395	1101030757	Lê Hải	Yến	20/06/2005	QM11A	Nữ	11				ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 33

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản:

Ngày 9 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng Hoàng Nam

Vũ Thị Bình



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000396	1201021505	Nguyễn Như	Quỳnh	09/01/2006	KD12E	Nữ	12		6,0	Quỳnh	
2	000397	1201020379	Đinh Phương	Thanh	13/08/2006	KD12E	Nữ	12		9,0	Thanh	
3	000398	1201020404	Lê Anh	Thư	12/11/2006	KD12E	Nữ	12		7,0	Thư	
4	000399	1201020417	Trần Thu	Thùy	19/08/2006	KD12E	Nữ	12		5,0	Thùy	
5	000400	1201021670	Đỗ Thị	Trâm	03/07/2006	KD12E	Nữ	12		7,0	Trâm	
6	000401	1201020446	Nguyễn Thùy	Trang	10/01/2005	KD12E	Nữ	12		6,0	Trang	
7	000402	1201020452	Thân Hiền	Trang	08/03/2006	KD12E	Nữ	12		4,5	Trang	
8	000403	1201020684	Nguyễn Thanh	Tú	23/10/2006	KD12E	Nữ	12		7,5	Thanh	
9	000404	1201020468	Lê Thùy	Vân	17/09/2006	KD12E	Nữ	12		8,0	Thùy	
10	000405	1201020084	Phùng Quỳnh	Anh	05/06/2006	KD12G	Nữ	12		7,0	Anh	
11	000406	1201020093	Bùi Thị Ngọc	Ánh	22/04/2006	KD12G	Nữ	12		7,0	Ánh	
12	000407	1201020097	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	30/07/2006	KD12G	Nữ	12		6,0	Ánh	
13	000408	1201020114	Hoàng Thị	Điểm	10/01/2005	KD12G	Nữ	12		5,5	Điểm	
14	000409	1201020134	Ngô Thùy	Dương	10/07/2006	KD12G	Nữ	12		6,0	Thùy	
15	000410	1201020139	Vũ Đức	Duy	22/10/2003	KD12G	Nam	12		7,0	Duy	
16	000411	1201020153	Vũ Thị Thu	Hà	22/06/2006	KD12G	Nữ	12		5,0	Hà	
17	000412	1201020156	Ngô Thị Thanh	Hải	11/09/2006	KD12G	Nữ	12				HP vắng
18	000413	1201020159	Phạm Thị Thùy	Hân	04/07/2006	KD12G	Nữ	12		7,0	Hân	
19	000414	1201020167	Ngô Minh	Hạnh	17/02/2006	KD12G	Nữ	12		6,0	Hạnh	
20	000415	1201021801	Đỗ Thị Thu	Hiền	24/08/2006	KD12G	Nữ	12		5,5	Hiền	
21	000416	1201020171	Phạm Ngọc	Hiền	23/07/2006	KD12G	Nữ	12		6,5	Hiền	
22	000417	1201020186	Trần Thị Hồng	Huế	16/11/2006	KD12G	Nữ	12		4,5	Huế	
23	000418	1201020195	Nguyễn Thanh	Hương	11/02/2006	KD12G	Nữ	12		5,0	Thanh	
24	000419	1201020201	Nguyễn Quang	Huy	29/01/2004	KD12G	Nam	12		4,0	Huy	
25	000420	1201020211	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/06/2006	KD12G	Nữ	12		4,5	Huyền	
26	000421	1201020217	Nguyễn Bá	Khánh	01/08/2006	KD12G	Nam	12		5,0	Khánh	
27	000422	1201021491	Đặng Trung	Kiên	23/09/2006	KD12G	Nam	12		7,5	Trung	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
28	000423	1201020230	Bùi Thị Ngọc	Lan	30/04/2006	KD12G	Nữ	12		5,0	Lan	
29	000424	1201020249	Nguyễn Hoàng	Linh	13/07/2006	KD12G	Nữ	12		6,5	Hương	
30	000425	1201020265	Ngô Thị Phương	Loan	06/06/2006	KD12G	Nữ	12		3,5	Loan	
31	000426	1201020286	Đỗ Thị Thu	Mai	22/12/2005	KD12G	Nữ	12				HP,ĐK
32	000427	1101030540	Đào Lệ	Hằng	05/04/2005	QM11A	Nữ	12		5,0	Hằng	
33	000428	1101030554	Hồ Thị	Hồng	07/07/2005	QM11A	Nữ	12		5,0	Hồng	
34	000429	1101030677	Nguyễn Anh	Quân	04/08/2005	QM11A	Nam	12		6,0	Quân	
35	000430	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	Nữ	12		5,0	Thảo	
36	000431	1101031189	Đoàn Trung	Hiếu	02/12/2005	QT11B	Nam	12		6,0	Hiếu	

Tổng số sinh viên dự thi: 34.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày 29 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng Hữu Nam

Nguyễn Đình



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000432	1201040003	Đỗ Duy	Anh	29/11/2004	CT12A	Nam	13				HP,ĐK
2	000433	1201040006	Lê Đỗ Kiều	Anh	24/10/2006	CT12A	Nữ	13		6,0	Anh	
3	000434	1201040017	Nguyễn Hồng	Hạnh	16/10/2006	CT12A	Nữ	13		6,0	Hạnh	
4	000435	1201040020	Võ Thị	Huệ	18/04/2005	CT12A	Nữ	13		6,0	Huệ	
5	000436	1201041470	Thạch Thu	Huyền	19/08/2006	CT12A	Nữ	13		6,0	Huyền	
6	000437	1201040026	Dương Diệu	Linh	28/09/2006	CT12A	Nữ	13		6,5	Linh	
7	000438	1201040027	Nguyễn Thùy	Linh	04/01/2006	CT12A	Nữ	13		2,5	Linh	
8	000439	1201040028	Phạm Thị Thảo	Linh	27/09/2006	CT12A	Nữ	13		5,0	Linh	
9	000440	1201040031	Hoàng Tuấn	Minh	07/03/2006	CT12A	Nam	13		6,5	Minh	
10	000441	1201040659	Đinh Hoàng	Phong	17/09/2006	CT12A	Nam	13		4,5	Phong	
11	000442	1201040039	Ngô Thị Minh	Thư	20/08/2006	CT12A	Nữ	13		7,0	Thư	
12	000443	1201040043	Đặng Anh	Tuấn	08/03/2006	CT12A	Nam	13		5,5	Tuấn	
13	000444	1201061522	Trịnh Thị Yến	Chi	11/02/2006	KA12A	Nữ	13		2,0	Chi	
14	000445	1201060513	Nguyễn Khánh	Ly	09/05/2006	KA12A	Nữ	13		3,0	Ly	
15	000446	1201020303	Đinh Ngọc	Nam	10/11/2006	KD12G	Nam	13		2,0	Nam	
16	000447	1201020310	Lê Bảo	Ngân	05/06/2006	KD12G	Nữ	13		5,0	Ngân	
17	000448	1201020315	Mã Đình	Nghiêm	11/04/2006	KD12G	Nam	13		6,5	Nghiêm	
18	000449	1201020332	Hoàng Thị Trang	Nhi	20/01/2006	KD12G	Nữ	13		7,0	Nhi	
19	000450	1201020342	Lê Quỳnh	Như	12/02/2006	KD12G	Nữ	13		9,0	Như	
20	000451	1201020357	Đỗ Thu	Phương	05/12/2006	KD12G	Nữ	13		7,0	Phương	
21	000452	1201020364	Đặng Thị	Phượng	16/07/2006	KD12G	Nữ	13		5,0	Phượng	
22	000453	1201020383	Chu Thạch	Thảo	31/01/2006	KD12G	Nữ	13		6,0	Thảo	
23	000454	1201020391	Nguyễn Phương	Thảo	19/04/2006	KD12G	Nữ	13				HP,ĐK
24	000455	1201020396	Vũ Thanh	Thảo	20/09/2006	KD12G	Nữ	13		5,5	Thảo	
25	000456	1201020406	Lê Hoàng Minh	Thư	15/12/2006	KD12G	Nữ	13		6,5	Thư	
26	000457	1201020418	Vũ Thị Thu	Thủy	28/09/2006	KD12G	Nữ	13		5,0	Thủy	
27	000458	1201020426	Nguyễn Đình Huệ	Trâm	17/08/2006	KD12G	Nữ	13		6,0	Trâm	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
28	000459	1201020429	Đỗ Thị	Trang	04/12/2006	KD12G	Nữ	13		7,0	Trang	
29	000460	1201020434	Nguyễn Huyền	Trang	15/10/2006	KD12G	Nữ	13		7,0	Trang	
30	000461	1201020437	Nguyễn Quỳnh	Trang	03/07/2006	KD12G	Nữ	13				HP,ĐK
31	000462	1201021638	Đặng Kiên	Trung	23/09/2006	KD12G	Nam	13		7,0	Trung	
32	000463	1201020460	Bùi Văn	Tuấn	01/01/2000	KD12G	Nam	13		7,5	Tuấn	
33	000464	1201020469	Nguyễn Hải	Vân	19/03/2006	KD12G	Nữ	13		6,0	Vân	
34	000465	1201020478	Đào Minh	Vũ	07/10/2006	KD12G	Nam	13		6,0		
35	000466	1101030489	Trần Hoàng	Anh	05/08/2001	QT11B	Nam	13		5,0	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 2

Tổng số biên bản: 0

Ngày 9 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng Hoài Sơn

Nguyễn Văn Đăng